

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 393/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2018

V/v ly hôn giữa anh M và chị G

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Minh Tân

Ông Vũ Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-7-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đăng M, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 43 H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Số nhà 43 H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; tạm trú: Khu 8 Kiều Tùng, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Trần Thị Thúy N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số nhà 43 H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 30-5-2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa (do anh M bị mù hai mắt nên có sự

chứng kiến của người làm chứng là bà Trần Thị Thúy N - mẹ đẻ anh M), nguyên đơn anh Nguyễn Đăng M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hương G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N ngày 01/9/2011. Anh chị có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng trước khi cưới. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ anh tại số nhà 43 H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh phát hiện chị G thường xuyên nhắn tin trên Facebook cho người đàn ông khác, anh cũng đã nói chuyện với gia đình vợ và nói chuyện với người đàn ông đó nên chị G đã xin lỗi anh. Đến cuối năm 2016 anh lại phát hiện chị G lại tiếp diễn sự việc trên và từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Đến tháng 3/2018 chị G bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Thảo V (giới tính: Nữ), sinh ngày 09-3-2012 và Nguyễn Bảo K (giới tính: Nam), sinh ngày 07-6-2015. Hiện nay hai con đang sống cùng với anh và bố mẹ anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm việc tại trung tâm tầm soát bắt huyết thu nhập khoảng 6.000.000 (sáu triệu) đồng một tháng, ngoài ra bố mẹ anh đã nghỉ hưu và còn khỏe mạnh, có nhiều thời gian nên hỗ trợ cùng anh chăm sóc con.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh M xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 16-7-2018, bị đơn chị Nguyễn Thị Hương G trình bày:

Về hôn nhân: Chị thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh Nguyễn Đăng M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay anh M xin ly hôn chị cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Thảo V (giới tính: Nữ), sinh ngày 09-3-2012 và Nguyễn Bảo K (giới tính: Nam), sinh ngày 07-6-2015. Hiện nay hai con đang sống cùng với anh M và ông bà nội. Nếu ly hôn, anh M có nguyện vọng được nuôi cả hai con chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng: Chị xác định không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hương G có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án trên.

Tại bản tự khai của bà Trần Thị Thúy N - người làm chứng cũng xác định thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung đúng như anh M trình bày. Hiện nay anh M và hai con đang sống chung cùng gia đình bà, bà luôn hỗ trợ anh M trong việc chăm sóc, nuôi dạy các cháu.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương ngày 12-6-2018 xác nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thảo V (giới tính: Nữ), sinh ngày 09-3-2012 và Nguyễn Bảo K (giới tính: Nam), sinh ngày 07-6-2015. Hiện nay hai con đang ở cùng với anh M.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ tại Hội người mù thành phố N ngày 12-6-2018 xác nhận, anh M sinh hoạt tại Hội người mù thành phố N từ tháng 5-2015, tuy đáng người nhỏ bé nhưng anh M hoàn toàn bình thường khả năng nhận thức tốt, trong công việc chăm chỉ, nhiệt tình, có thu nhập ổn định khoảng 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng một tháng)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị G là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không tin tưởng nhau. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa anh Nguyễn Đăng M và chị Nguyễn Thị Hương G. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xét cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 09-3-2012 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 07-6-2015 đang sống ổn định cùng anh M, anh M có nguyện vọng được nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn, chị G cũng đồng ý giao hai con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định giao hai con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Hương G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và vay nợ chung hai bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hương G là bị đơn đã có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đăng M và chị Nguyễn Thị Hương G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N năm 2011 nên hôn nhân giữa anh M và chị G là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn anh M và chị G sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng nhau. Đến tháng 3-2018 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh M và chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng có nguyện vọng được ly hôn, chị G xin được vắng mặt tại phiên hòa giải và công khai chứng cứ chứng tỏ chị G không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị G ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa anh M và chị G theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tranh chấp nuôi con: Xét quan điểm của hai bên cùng thể hiện giao hai con cho anh M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Qua thu thập chứng cứ tại địa phương xác định cháu V và cháu K đang sống ổn định cùng anh M, người làm chứng là mẹ đẻ anh M cũng xác định gia đình sẽ hỗ trợ anh M trong việc chăm sóc nuôi dạy con. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ giao hai con Nguyễn Thảo V (giới tính: Nữ), sinh ngày 09-3-2012 và Nguyễn Bảo K (giới tính: Nam), sinh ngày 07-6-2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc anh M không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh M và chị G xác định không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh M là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Đăng M và chị Nguyễn Thị Hương G.

2. Về con chung: Giao hai con Nguyễn Thảo V (giới tính: Nữ), sinh ngày 09-3-2012 và Nguyễn Bảo K (giới tính: Nam), sinh ngày 07-6-2015 cho anh Nguyễn Đăng M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đăng M không yêu cầu chị Nguyễn Thị Hương G cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đăng M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Đăng M đã nộp tại biên lai số 0000025 ngày 04-6-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Anh Nguyễn Đăng M có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Hương G có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường V;
- VKSND thành phố N;
- THA Dân sự thành phố N;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Thị Kim Phụng